

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0100283802

ngày 23 tháng 9 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100283802 ngày 23 tháng 9 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát tham gia điều hành Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Trọng Thông	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Tô	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên (<i>đến ngày 3/8/2015</i>)
	Ông Phan Quang Bình	Thành viên
	Ông Đào Hữu Khanh	Thành viên
	Ông Lê Thanh Hiền	Thành viên
	Ông Nguyễn Trọng Minh	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Thông	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 3/8/2015</i>)
	Ông Đào Hữu Khanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chế Đình Tương	Phó Tổng Giám đốc (<i>từ ngày 20/7/2015</i>)
Ban Kiểm soát	Ông Đỗ Văn Bình	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Ông Phạm Hùng Sơn	Thành viên
Trụ sở đăng ký	Trụ sở chính Số 8 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình Hà Nội, Việt Nam	
	Chi nhánh Miền Nam Số 2 Hồng Hà và 60 Trường Sơn Phường 2, Quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 27-08-2015

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến trang 43. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán, nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-143-R1



Đàm Xuân LâmGiấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1*Phó Tổng Giám đốc*

Nguyễn Minh HiếuGiấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1572-2013-007-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		912.871.954.438	943.095.297.284
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	126.087.957.198	223.374.993.415
Tiền	111		41.087.957.198	78.374.993.415
Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000.000	145.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33.853.345.656	26.780.474.264
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	3.221.745.749	3.221.745.749
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	30.631.599.907	23.558.728.515
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		123.466.258.297	158.912.789.334
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	52.704.928.417	73.643.193.194
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.521.520.487	39.829.794.708
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	12.055.833.333	27.528.182.157
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	35.205.850.150	19.619.119.275
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(2.021.874.090)	(1.707.500.000)
Hàng tồn kho	140	11	614.648.098.149	531.078.637.444
Hàng tồn kho	141		614.648.098.149	531.078.637.444
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.816.295.138	2.948.402.827
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.999.842.068	2.781.047.645
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.816.453.070	167.355.182

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.136.312.043.561	715.625.027.423
Các khoản phải thu dài hạn	210		117.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	117.000.000.000	-
Tài sản cố định	220		2.926.084.095	4.086.934.458
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.831.584.096	3.951.934.458
<i>Nguyên giá</i>	222		20.687.094.529	21.143.267.615
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(17.855.510.433)	(17.191.333.157)
Tài sản cố định vô hình	227		94.499.999	135.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		135.000.000	135.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(40.500.001)	-
Bất động sản đầu tư	230	13	220.278.378.472	226.807.526.000
<i>Nguyên giá</i>	231		259.052.602.082	258.833.974.282
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(38.774.223.610)	(32.026.448.282)
Tài sản dở dang dài hạn	240		92.460.937.171	50.402.902.778
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	92.460.937.171	50.402.902.778
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(c)	703.443.088.630	434.135.019.795
Đầu tư vào công ty con	251		568.271.208.630	298.963.139.795
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		136.971.880.000	136.971.880.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		203.555.193	192.644.392
Chi phí trả trước dài hạn	261		193.555.193	182.644.392
Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.049.183.997.999	1.658.720.324.707

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.221.692.971.730	854.629.799.903
Nợ ngắn hạn	310		1.193.700.796.839	850.649.781.297
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	79.921.863.906	100.384.195.203
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	571.562.550.465	443.895.009.555
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	257.202.940	27.915.537.002
Phải trả người lao động	314		1.611.500.414	4.087.240.047
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	160.617.416.281	205.892.616.661
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	40.813.763.435	25.870.772.817
Vay ngắn hạn	320	20(a)	334.251.672.906	40.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.664.826.492	2.604.410.012
Nợ dài hạn	330		27.992.174.891	3.980.018.606
Phải trả dài hạn khác	337		816.347.731	-
Vay dài hạn	338	20(b)	23.235.808.554	40.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		702.018.606	702.018.606
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.238.000.000	3.238.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		827.491.026.269	804.090.524.804
Vốn chủ sở hữu	410	21	827.491.026.269	804.090.524.804
Vốn cổ phần	411	22	651.542.050.000	651.542.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	22	651.542.050.000	651.542.050.000
Cổ phiếu quỹ	415	22	(6.210.000)	(6.210.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	23.516.835.886	23.516.835.886
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	152.438.350.383	129.037.848.918
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		125.017.848.918	122.013.590.599
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.420.501.465	7.024.258.319
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.049.183.997.999	1.658.720.324.707

Người lập:



Vũ Thị Dung
Kế toán viên

27-08-2015



Chu Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	30.512.243.640	331.069.484.782
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	135.814.926	1.817.573.711
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	30.376.428.714	329.251.911.071
Giá vốn hàng bán	11	26	19.353.112.217	318.828.594.650
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		11.023.316.497	10.423.316.421
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	34.560.750.624	12.801.847.757
Chi phí tài chính	22	28	2.198.288.628	2.734.528.235
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.197.500.372	2.734.528.235
Chi phí bán hàng	25		639.297.775	1.745.931.205
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	16.193.348.394	11.279.945.512
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		26.553.132.324	7.464.759.226
Thu nhập khác	31		1.007.266.360	130.746.000
Chi phí khác	32		19.060.406	45.796.200
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		988.205.954	84.949.800
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.541.338.278	7.549.709.026
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	120.836.813	525.450.707
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		27.420.501.465	7.024.258.319

Người lập:



Vũ Thị Dung
Kế toán viên

27-08-2015



Chu Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	27.541.338.278	7.549.709.026
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	7.889.618.481	7.500.179.743
Các khoản dự phòng	03	314.374.090	1.707.500.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(34.276.580.076)	(12.801.847.757)
Chi phí lãi vay	06	2.197.500.372	2.734.528.235
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.666.251.145	6.690.069.247
Biến động các khoản phải thu	09	25.877.736.200	28.673.731.311
Biến động hàng tồn kho	10	(83.569.460.705)	122.353.048.408
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	75.344.040.903	16.773.314.056
Biến động chi phí trả trước	12	(10.910.801)	(46.744.318)
		21.307.656.742	174.443.418.704
Tiền lãi vay đã trả	14	(257.277.316)	(5.169.697.124)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(29.849.826.885)	(26.714.894.475)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.959.583.520)	(317.815.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(10.759.030.979)	142.241.012.105
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(42.276.662.193)	(534.100.909)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(167.292.871.392)	(22.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	58.692.348.824	68.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(269.308.068.835)	(61.323.169.377)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	46.979.739.200
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	16.209.766.898	22.817.244.334
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(403.975.486.698)	53.939.713.248

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	473.987.481.460	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(156.540.000.000)	(69.139.306.400)
Tiền trả cổ tức	36	-	(24.952.584.932)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	317.447.481.460	(94.091.891.332)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(97.287.036.217)	102.088.834.021
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	223.374.993.415	171.799.884.675
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	126.087.957.198	273.888.718.696

27-08-2015

Người lập:



Vũ Thị Dung
Kế toán viên



Chu Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty, các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; đầu tư và phát triển hạ tầng và kinh doanh nhà;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Giáo dục mầm non; giáo dục tiểu học; giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; đào tạo cao đẳng; đào tạo đại học và sau đại học; giáo dục nghề nghiệp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Thi công, lắp đặt, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, chống sét;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Quảng cáo;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, viễn thông;
- Sản xuất hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, chống sét;
- Mua bán hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, chống sét;
- Xuất nhập khẩu trang thiết bị, công nghệ, vật tư phục vụ sản xuất và nghiên cứu khoa học công nghệ;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị và nông nghiệp (kho, lán, trạm, trại);
- Thiết kế thông gió, cấp nhiệt đối với công trình xây dựng;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp thoát nước và môi trường nước;
- Thiết kế cấp điện công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình văn hóa và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn xây dựng, khảo sát xây dựng, lập dự án và quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị cơ khí, điều khiển tự động, điện lạnh, điện kỹ thuật, điện dân dụng, thủy khí, thang máy, máy xây dựng, thiết bị nâng hạ;
- Thiết kế, chế tạo máy và thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư và cung cấp chuyên gia công nghệ cùng các dịch vụ khoa học kỹ thuật có liên quan;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 35kv;
- Sản xuất kinh doanh điện;
- Kinh doanh máy móc thiết bị;
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái;
- Dịch vụ trông giữ phương tiện; và
- Đầu tư vào các công ty.

Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, đầu tư và phát triển hạ tầng, kinh doanh nhà, cho thuê bất động sản và xây dựng các công trình dân dụng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 10 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2015: 10 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(c).

Tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 108 nhân viên (1/1/2015: 116 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 4(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm, bất động sản đang xây dựng và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng, giá gốc bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất, các chi phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, các chi phí quản lý xây dựng chung được phân bổ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 - 20 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 - 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 4 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 - 12 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 - 20 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ/năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản hoặc tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng tài sản bị trả lại.

(ii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ hoạt động cho thuê

Doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	9.582.905.188	8.496.015.373
Tiền gửi ngân hàng	31.505.052.010	69.878.978.042
Các khoản tương đương tiền	85.000.000.000	145.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	126.087.957.198	223.374.993.415
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	281.185	2.977.135.749	281.185	2.977.135.749
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần LICOGI 12	40.100	244.610.000	40.100	244.610.000
		3.221.745.749		3.221.745.749
		4.563.324.500		3.779.046.000
				Đã phân loại lại
				Giá gốc
				Giá trị hợp lý
				VND

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	20.650.538.715	(*)	13.570.000.000	(*)
▪ Tiền ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	9.981.061.192	(*)	9.988.728.515	(*)
	30.631.599.907	(*)	23.558.728.515	(*)
				Đã phân loại lại
				Giá gốc
				Giá trị hợp lý
				VND

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2015		Giá trị hợp lý VND
					Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty con							
• Công ty Cổ phần Hà Đô 1	Hà Nội	1.791.135	51%	51%	15.680.240.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Hà Đô 23	Hà Nội	2.821.410	60%	60%	28.213.900.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Hà Đô 4	TP. Hồ Chí Minh	1.679.684	51%	51%	14.605.950.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hà (i)	TP. Nha Trang	3.900.000	30%	30%	39.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Hà Đô - 756 Sài Gòn (i)	TP. Hồ Chí Minh	28.350.000	65%	65%	283.500.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Thiết bị Công nghiệp Hà Đô	Hà Nội	51.051	51%	51%	3.570.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Tư vấn Hà Đô	Hà Nội	102.000	51%	51%	1.020.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Quốc tế Hà Đô	Viên Chăn, Lào		100%	100%	181.634.006.722	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Môi giới Bất động sản Hà Đô	Hà Nội		100%	100%	626.255.918	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Quản lý - Vận hành - Khai thác Bất động sản Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh		100%	100%	420.855.990	-	(*)
▪ Công ty liên kết							
• Công ty Cổ phần Za Hưng	Hà Nội	1.350.093	37%	37%	135.171.880.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thương mại Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh	180.000	29%	29%	1.800.000.000	(1.800.000.000)	(*)
					705.243.088.630	(1.800.000.000)	(*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2015				
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
		Số lượng				
Địa chỉ						
Đầu tư góp vốn vào:						
▪ Công ty con						
• Công ty Cổ phần Hà Đô 1	Hà Nội	1.791.135	51%	15.680.240.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Hà Đô 23	Hà Nội	2.821.410	60%	28.213.900.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Hà Đô 4	TP. Hồ Chí Minh	1.679.684	51%	14.605.950.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hà (i)	TP. Nha Trang	3.843.091	32%	37.491.931.165	-	(*)
• Công ty Cổ phần Hà Đô - 756 Sài Gòn (i)	TP. Hồ Chí Minh	1.570.000	38%	15.700.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Thiết bị Công nghiệp Hà Đô	Hà Nội	510.510	51%	3.570.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Tư vấn Hà Đô	Hà Nội	102.000	51%	1.020.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Quốc tế Hà Đô	Viên Chăn, Lào		100%	181.634.006.722	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Môi giới Bất động sản Hà Đô	Hà Nội		100%	626.255.918	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Quản lý - Vận hành - Khai thác Bất động sản Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh		100%	420.855.990	-	(*)
▪ Công ty liên kết						
• Công ty Cổ phần Za Hưng	Hà Nội	1.350.093	37%	135.171.880.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thương mại Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh	180.000	29%	1.800.000.000	(1.800.000.000)	(*)
				435.935.019.795	(1.800.000.000)	(*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hà (“Công ty Khánh Hà”) và Công ty Cổ phần Hà Đô – 756 Sài Gòn (“Công ty 756”), số vốn điều lệ mà Công ty được góp tương ứng là 60% và 63% trong tổng số vốn điều lệ của hai công ty này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty mới đóng góp tương ứng là 30% (1/1/2015: 32%) số vốn điều lệ trong công ty Khánh Hà, đồng thời Công ty đã góp đủ vốn điều lệ trong Công ty 756 (1/1/2015: 38%). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã bổ nhiệm nhân sự của mình đảm nhận các vị trí điều hành chủ chốt tại hai công ty này và do đó đã nắm quyền kiểm soát các hoạt động của Công ty Khánh Hà và Công ty 756. Do đó, Công ty Khánh Hà và Công ty 756 được coi là công ty con của Công ty.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động trong kỳ/năm của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn của Công ty như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	-	719.664.417	1.800.000.000	1.800.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	-	(719.664.417)	-	-
Số dư cuối kỳ/năm	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Các khách hàng mua nhà chung cư dự án Nguyễn Văn Công - Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	17.499.821.496	17.499.821.496
Các khách hàng mua nhà 751B - TP. Hồ Chí Minh	9.397.939.011	9.397.939.011
Ban Quản lý Dự án thủy điện 7	7.188.904.544	7.188.904.544
Phải thu của khách hàng là công ty liên quan (Thuyết minh 7(b))	6.073.535.040	6.039.762.439
Các khách hàng khác	12.544.728.326	33.516.765.704
	52.704.928.417	73.643.193.194

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Hà Đô 1	713.905.774	721.405.774
Công ty Cổ phần Hà Đô 23	731.219.753	731.219.753
Công ty Cổ phần Hà Đô 4	1.882.105.497	2.444.121.897
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Thiết bị Công nghiệp Hà Đô	1.995.339.338	1.995.339.338
Khác	750.964.678	147.675.677
	<hr/>	<hr/>
	6.073.535.040	6.039.762.439
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Phải thu về cho vay – ngắn hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Các khoản vay cấp cho các cá nhân	12.055.833.333	13.955.833.333
Các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Hà Đô 4	-	13.572.348.824
	<hr/>	<hr/>
	12.055.833.333	27.528.182.157
	<hr/>	<hr/>

Trong khoản vay cấp cho các cá nhân, có một khoản cho vay được đảm bảo bằng 190.159 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc và hưởng lãi suất cố định là 11,5%/năm.

(b) Phải thu về cho vay – dài hạn

Phải thu về cho vay - dài hạn thể hiện khoản vay cấp cho Công ty TNHH Một thành viên 756 để Công ty này góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Hà Đô - 756 Sài Gòn, một công ty con của Công ty. Khoản vay không chịu lãi suất và được đảm bảo bằng tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty TNHH Một thành viên 756 tại Công ty Cổ phần Hà Đô 756 - Sài Gòn và toàn bộ các quyền lợi phát sinh từ phần vốn góp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tạm ứng	8.873.496.057	10.640.968.108
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	17.819.796.500	-
Phải thu khác	8.512.557.593	8.978.151.167
	<u>35.205.850.150</u>	<u>19.619.119.275</u>

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND
Nợ quá hạn				
Bà Nguyễn Thị Lan	3.415.000.000	1.707.500.000	Trên 2 năm	3.415.000.000
Xí nghiệp 3 (trước cổ phần hóa)	314.374.090	314.374.090	Trên 3 năm	-
	<u>3.729.374.090</u>	<u>2.021.874.090</u>		<u>3.415.000.000</u>
				<u>1.707.500.000</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn 2.021.874.090 1.707.500.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các công trình xây dựng dở dang	20.443.324.474	14.176.782.297
Bất động sản đang xây dựng	576.560.363.709	499.423.568.349
Bất động sản đã hoàn thành	17.644.409.966	17.478.286.798
	<hr/>	<hr/>
	614.648.098.149	531.078.637.444
	<hr/>	<hr/>

Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng chi phí vay được vốn hóa trong bất động sản đang xây dựng tương đương 534 triệu VND (năm kết thúc ngày 31/12/2014: 21 triệu VND).

Chi tiết các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản và xây dựng dở dang như sau:

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Dự án khu đô thị mới An Khánh - An Thượng	132.446.766.107	132.062.709.257
Dự án nhà N10 khu đô thị mới Dịch Vọng	328.607.080.126	270.138.610.172
Dự án chung cư CC1 Dịch Vọng, Hà Nội	21.897.940.659	21.877.779.659
Dự án chung cư CC3 Dịch Vọng, Hà Nội	11.496.001.423	11.490.814.423
Dự án nhà ở Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	55.956.643.244	53.336.762.007
Dự án cải tạo xây thô các lô tại dự án Trung Hòa 2	13.960.716.364	-
Dự án nhà ở Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	17.644.409.966	17.478.286.798
Khác	32.638.540.260	24.693.675.128
	<hr/>	<hr/>
	614.648.098.149	531.078.637.444
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015 Thanh lý	10.332.043.322 -	2.204.739.562 -	87.740.736 -	8.518.743.995 (456.173.086)	21.143.267.615 (456.173.086)
Số dư tại ngày 30/6/2015	10.332.043.322	2.204.739.562	87.740.736	8.062.570.909	20.687.094.529
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1/1/2015 Khấu hao trong kỳ Thanh lý	7.732.947.202 394.219.699 -	1.578.533.570 110.122.927 -	86.209.486 1.531.250 -	7.793.642.899 595.469.276 (437.165.876)	17.191.333.157 1.101.343.152 (437.165.876)
Số dư tại ngày 30/6/2015	8.127.166.901	1.688.656.497	87.740.736	7.951.946.299	17.855.510.433
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1/1/2015 Số dư tại ngày 30/6/2015	2.599.096.120 2.204.876.421	626.205.992 516.083.065	1.531.250 -	725.101.096 110.624.610	3.951.934.458 2.831.584.096

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 7.176 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 6.891 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê	220.278.378.472	226.807.526.000
Bất động sản đầu tư cho thuê		
		Nhà cửa VND
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 1/1/2015		258.833.974.282
Tăng trong kỳ		218.627.800
		<hr/>
Số dư tại ngày 30/6/2015		259.052.602.082
		<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 1/1/2015		32.026.448.282
Khấu hao trong kỳ		6.747.775.328
		<hr/>
Số dư tại ngày 30/6/2015		38.774.223.610
		<hr/>
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 1/1/2015		226.807.526.000
Số dư tại ngày 30/6/2015		220.278.378.472
		<hr/> <hr/>

Bất động sản đầu tư của Công ty tại thời điểm cuối kỳ/năm bao gồm các tài sản có nguyên giá như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Khu biệt thự Sư Vạn Hạnh	99.291.743.868	99.291.743.868
Tòa nhà Miền Nam	133.960.919.137	133.960.919.137
Tầng 1 tại các khu chung cư	22.664.146.350	22.445.518.550
Sân tennis	3.135.792.727	3.135.792.727
	<hr/>	<hr/>
	259.052.602.082	258.833.974.282
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	50.402.902.778	23.870.220.080
Tăng trong kỳ/năm	42.058.034.393	26.532.682.698
Số dư cuối kỳ/năm	92.460.937.171	50.402.902.778

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án tại Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	23.108.000.000	23.108.000.000
Dự án số 2 Hồng Hà, TP. Hồ Chí Minh	66.421.213.965	26.475.698.850
Khu đô thị Dịch Vọng	819.203.928	819.203.928
Dự án 34 Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	1.991.392.914	-
Khác	121.126.364	-
	92.460.937.171	50.402.902.778

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	10.269.276.879	10.269.276.879	16.635.263.423	16.635.263.423
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh 15(b))	49.699.887.181	49.699.887.181	49.584.091.703	49.584.091.703
Khác	19.952.699.846	19.952.699.846	34.164.840.077	34.164.840.077
	79.921.863.906	79.921.863.906	100.384.195.203	100.384.195.203

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các Công ty liên quan

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty con				
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Thiết bị Công nghiệp Hà Đô	13.247.968.629	13.247.968.629	10.692.187.518	10.692.187.518
Cty TNHH Một thành viên Quản lý - Vận hành - Khai thác Bất động sản Hà Đô	1.026.622.334	1.026.622.334	994.587.132	994.587.132
Công ty Cổ phần Hà Đô 1	16.330.297.463	16.330.297.463	9.721.248.820	9.721.248.820
Công ty Cổ phần Hà Đô 23	15.066.338.113	15.066.338.113	19.991.371.775	19.991.371.775
Công ty Cổ phần Hà Đô 4	3.972.129.242	3.972.129.242	8.128.164.158	8.128.164.158
Công ty Cổ phần Tư Vấn Hà Đô	56.531.400	56.531.400	56.532.300	56.532.300
	49.699.887.181	49.699.887.181	49.584.091.703	49.584.091.703

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	536.939.532.198	393.148.025.614
Khách hàng thương mại trả tiền trước	34.623.018.267	50.746.983.941
	571.562.550.465	443.895.009.555

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.915.537.002	120.836.813	(29.849.826.885)	(1.813.453.070)
Thuế khác	-	1.000.000	(4.000.000)	(3.000.000)
	27.915.537.002	121.836.813	(29.853.826.885)	(1.816.453.070)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế thu nhập cá nhân	(167.355.182)	1.893.590.683	(1.469.032.561)	257.202.940

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Lãi vay phải trả	2.442.646.056	502.423.000
Chi phí xây dựng	158.174.770.225	205.390.193.661
	160.617.416.281	205.892.616.661

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phí bảo trì các tòa nhà (*)	31.941.684.136	15.311.165.728
Phải trả các công ty liên quan	1.565.347.593	1.565.347.593
Các khoản phải trả khác	7.306.731.706	8.994.259.496
	<hr/>	<hr/>
	40.813.763.435	25.870.772.817

(*) Phí bảo trì các tòa nhà là khoản phí 2% tính trên giá bán của các khu chung cư tại thời điểm chuyển giao căn hộ chung cư cho người mua. Khoản phí này sẽ được bàn giao lại toàn bộ cho Ban quản lý tòa nhà do khu dân cư đó bầu ra.

(b) Phải trả khác cho các công ty liên quan

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phải trả các công ty liên quan khác	1.565.347.593	1.565.347.593
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả khác các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	450.751.672.906	(156.500.000.000)	334.251.672.906	334.251.672.906

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Khoản vay Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Đông Anh	(i)	VND	7,5%	19.251.672.906	-
Vay cá nhân	(ii)	VND	8,0%	40.000.000.000	40.000.000.000
Vay từ công ty con - Công ty Cổ phần Hà Đô 756 - Sài Gòn	(iii)	VND	0,5%	275.000.000.000	-
				<u>334.251.672.906</u>	<u>40.000.000.000</u>

(i) Khoản vay ngắn hạn từ này được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 10 tỷ VND và quyền sử dụng đất 3 tòa chung cư CT2, CT3, CT4 tại Khu Đô thị An Khánh - An Thượng, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.

(ii) Khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không được đảm bảo, có kỳ hạn 12 tháng và chịu lãi suất 8%/năm (2014: 8%/năm).

(iii) Khoản vay ngắn hạn từ công ty con - Công ty Cổ phần Hà Đô 756 - Sài Gòn không được đảm bảo và chịu lãi suất 0,5%/năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Vay dài hạn	23.235.808.554	40.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Năm	30/6/2015	31/12/2014
		năm	đáo hạn	VND	VND
Vay ngân hàng (*)	VND	10%	2027	23.235.808.554	-
Khác	VND			-	40.000.000
				23.235.808.554	40.000.000

(*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình với hạn mức tối đa là 350 tỷ VND dùng để thanh toán các chi phí đầu tư dự án “Tổ hợp Dịch vụ Thương mại tại Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh”. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu tiên. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ quyền kinh doanh, quản lý khai thác đối với tài sản hình thành từ dự án này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	556.873.990.000	33.084.909.500	(3.030.000)	17.418.867.595	23.516.835.886	113.722.439.184	744.614.012.165
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	7.024.258.319	7.024.258.319
Cổ tức	-	-	-	-	-	(27.842.821.250)	(27.842.821.250)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.286.642.745)	(4.286.642.745)
Số dư tại ngày 30/6/2014	556.873.990.000	33.084.909.500	(3.030.000)	17.418.867.595	23.516.835.886	88.617.233.508	719.508.806.489
<i>Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã báo cáo trước đây Phân loại lại (Thuyết minh 33)</i>	651.542.050.000	-	(6.210.000)	-	23.516.835.886	129.037.848.918	804.090.524.804
Số dư tại ngày 1/1/2015	651.542.050.000	-	(6.210.000)	23.516.835.886	-	129.037.848.918	804.090.524.804
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	27.420.501.465	27.420.501.465
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.020.000.000)	(4.020.000.000)
Số dư tại 30/6/2015	651.542.050.000	-	(6.210.000)	23.516.835.886	-	152.438.350.383	827.491.026.269

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	65.154.205	651.542.050.000	65.154.205	651.542.050.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	65.154.205	651.542.050.000	65.154.205	651.542.050.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(621)	(6.210.000)	(621)	(6.210.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	65.153.584	651.535.840.000	65.153.584	651.535.840.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần của Công ty trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2015		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	65.153.584	651.535.840.000	55.687.091	556.870.960.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	19.192	408.904.079	32.768	698.525.778

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	367.846.674.663	465.988.324.118
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	324.166.362.474	411.531.317.595
	692.013.037.137	877.519.641.713

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần của Công ty bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.043.399.091	305.912.887.551
▪ Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	374.606.364
▪ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và các dịch vụ khác	29.468.844.549	24.781.990.867
	<hr/>	<hr/>
	30.512.243.640	331.069.484.782
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(135.814.926)	(1.817.573.711)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	30.376.428.714	329.251.911.071

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hoạt động kinh doanh bất động sản	860.980.909	305.126.451.040
▪ Hoạt động xây dựng	-	401.553.153
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư và các dịch vụ khác	18.492.131.308	13.300.590.457
	<hr/>	<hr/>
	19.353.112.217	318.828.594.650

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	2.974.860.786	6.830.167.757
Cổ tức được chia	31.320.726.500	5.812.900.000
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	158.780.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	265.163.338	-
	<hr/>	<hr/>
	34.560.750.624	12.801.847.757
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

28. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.197.500.372	2.734.528.235
Chi phí tài chính khác	788.256	-
	<hr/>	<hr/>
	2.198.288.628	2.734.528.235
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	12.164.425.695	5.377.265.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.141.843.153	1.137.445.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	997.601.971	1.568.188.459
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.889.477.575	3.197.045.897
	<hr/>	<hr/>
	16.193.348.394	11.279.945.512
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	14.930.706.975	8.588.642.258
Chi phí khấu hao	7.889.618.481	7.500.179.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.851.351.578	185.245.248.447
Chi phí khác	2.681.241.602	11.730.557.458

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	120.836.813	525.450.707

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.541.338.278	7.549.709.026
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.059.094.421	1.660.935.986
Chi phí không được khấu trừ thuế	952.302.222	143.352.721
Thu nhập không bị tính thuế	(6.890.559.830)	(1.278.838.000)
	120.836.813	525.450.707

(c) Thuế suất áp dụng

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 22%). Mức thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty là 22% cho năm 2015 và mức thuế suất này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hà Đô 1		
Cổ tức được chia	1.970.248.500	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	40.033.712.373	6.273.846.363
Bán hàng hóa và dịch vụ	244.516.364	293.362.637
Cho vay và thu hồi vay ngắn hạn	15.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	135.000.000	142.500.000
Vay và hoàn trả vay ngắn hạn	7.213.128.449	-
Chi phí lãi vay	11.250.000	-
Công ty Cổ phần Hà Đô 23		
Cổ tức được chia	11.285.560.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.452.471.179	62.393.806.409
Bán hàng hóa và dịch vụ	364.069.091	423.163.309
Vay và hoàn trả vay ngắn hạn	37.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	92.500.000	-
Công ty Cổ phần Hà Đô 4		
Cổ tức được chia	3.359.368.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.262.535.596	19.137.127.273
Thu hồi vay ngắn hạn	13.572.348.824	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	250.488.000
Thu nhập lãi vay	368.454.903	-
Công ty Cổ phần cơ điện xây dựng thiết bị Công nghiệp Hà Đô		
Mua hàng hóa và dịch vụ	44.148.688.985,00	16.616.148.545
Cổ tức được chia	1.021.020.000	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	383.660.969	135.360.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Hà Đô		
Cổ tức được chia	183.600.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.563.236.181	1.709.615.182
Bán hàng hóa và dịch vụ	171.125.455	228.398.482
Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hà		
Góp vốn	1.508.068.835	811.756.300
Vay và hoàn trả vay ngắn hạn	34.500.000.000	-
Chi phí lãi vay	60.434.722	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Công ty Đầu tư Quốc tế Hà Đô		
Góp vốn	-	60.511.413.077
Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác Bất động sản Hà Đô		
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.728.510.949	5.527.649.140
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	46.178.610
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Môi giới Bất động sản Hà Đô		
Bán hàng hóa và dịch vụ	510.181.820	681.416.956
Phí quản lý	181.309.090	-
Công ty Cổ phần Hà Đô – 756 Sài Gòn		
Góp vốn	267.800.000.000	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	5.704.153.268	-
Vay ngắn hạn	275.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Za Hưng		
Cổ tức được chia	13.500.930.000	5.812.900.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	182.640.000	-
Cho vay và thu lại vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Hà Đô		
Bán hàng hóa và dịch vụ	540.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị , Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Lương và phụ cấp	4.328.646.463	1.063.996.692

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	54.308.656.421
Chứng khoán kinh doanh	3.221.745.749	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.558.728.515	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	27.528.182.157	-
Phải thu ngắn hạn khác	19.619.119.275	-
Các khoản phải thu khác	-	8.858.151.167
Tài sản ngắn hạn khác	-	10.760.968.108
Quỹ dự phòng tài chính	-	23.516.835.886
Quỹ đầu tư phát triển	23.516.835.886	-

27-08-2015

Người lập:



Vũ Thị Dung
Kế toán viên

Người duyệt:



Chu Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc